

Name: .....

Vocabulary + Grammar: .....

Class: S3...

Listening: .....

Tel: 034 200 9294

Mini test: .....



Ngày GV giao bài: Thứ....., ngày..../....

Ngày HS nộp bài: Thứ....., ngày..../....

## GLOBAL ENGLISH 3

### Unit 5: Inventions - Vocabulary 2 & Flyers Speaking

#### A. VOCABULARY

##### ◆ Phrases of expressing opinion

No.	Word	Meaning	No.	Word	Meaning
1	<b>I think</b> (phr)	Tôi nghĩ là ...	3	<b>I agree</b> (phr)	Tôi đồng ý
2	<b>I don't think</b> (phr)	Tôi không nghĩ là ...	4	<b>I disagree</b> (phr)	Tôi không đồng ý

##### ◆ Descriptive words

No.	Word	Meaning	No.	Word	Meaning
1	<b>interesting</b> (adj)	thú vị	6	<b>silly</b> (adj)	ngốc nghếch
2	<b>helpful</b> (adj)	giúp ích (chỉ người / vật)	7	<b>boring</b> (adj)	nhàm chán
3	<b>useful</b> (adj)	có ích (chỉ vật)	8	<b>positive</b> (adj)	tích cực
4	<b>funny</b> (adj)	hài hước	9	<b>negative</b> (adj)	tiêu cực
5	<b>difficult</b> (adj)	khó khăn			

##### ◆ Extra vocabulary

No.	Word	Meaning	No.	Word	Meaning
1	<b>travel abroad</b> (phr)	du lịch nước ngoài	5	<b>castle</b> (n)	lâu đài
2	<b>chopstick(s)</b> (n)	đũa	6	<b>enormous</b> (adj)	khổng lồ
3	<b>opinion</b> (n)	ý kiến, quan điểm	7	<b>airport</b> (n)	sân bay
4	<b>unable</b> (adj)	không thể	8	<b>unusual</b> (adj)	kì lạ, bất thường

\* Note: *n* = noun: danh từ; *adj* = adjective: tính từ; *phr* = phrase: cụm từ.

\* Con học thuộc nghĩa của từ, chỉnh phát âm theo từ điển và chép mỗi từ **I dòng** vào vở ghi

#### B. HOMEWORK

##### I. Match the words with the suitable pictures (Nối từ vựng với hình ảnh phù hợp)

0. <b>funny</b>	1. <b>helpful</b>	2. <b>boring</b>	3. <b>silly</b>	4. <b>negative</b>	5. <b>difficult</b>
-----------------	-------------------	------------------	-----------------	--------------------	---------------------

A.



B.



C.



D.



E.



F.



0. A

1. \_\_\_\_\_

2. \_\_\_\_\_

3. \_\_\_\_\_

4. \_\_\_\_\_

5. \_\_\_\_\_

## II. Circle the correct answer (Khoanh tròn đáp án đúng)

0. Learning new languages can be **interesting** / **useful** / **negative** for traveling abroad.

1. It is **silly** / **useful** / **boring** to eat soup with chopsticks.

2. It is **interesting** / **helpful** / **useful** to watch movies in the park at night.

3. "I don't like this movie," she said, and I **disagree** / **agree** / **think** with her opinion. I like this movie.

4. They all shook their heads and gave **disagree** / **negative** / **difficult** answers.

5. I **agree** / **disagree** / **think** with your idea to study together. We can help each other.

## III. Read the description and write the correct letter

(Đọc mô tả và viết chữ cái chính xác)

A - Thomas always thinks he can change the world.

B - This exercise makes me unable to understand.

C - Ross never tells a funny story.

D - Harry always does stupid things.

E - Daniel usually helps people.

F - This film makes me want to watch it again.

0. He is helpful.	E
1. He is silly.	_____
2. It is interesting.	_____
3. He is positive.	_____
4. He is boring.	_____
5. It is difficult.	_____

## IV. Fill in the blank with "To + Verb-infinitive" from the box below.

(Điền dạng "To + động từ nguyên thể" vào chỗ trống phù hợp)

finish	learn	lose	eat	celebrate	win
--------	-------	------	-----	-----------	-----

0. She studies hard every day to learn new things.

1. He woke up early to have breakfast with his family.

2. The boy trained hard to win the race.

3. Sarah tried hard to finish her homework.

4. John went to the gym to lose weight.

5. We are happy to celebrate New Year's Eve.

## CAMBRIDGE LISTENING PRACTICE

Các con nghe bài nghe ở link này:

<https://on.soundcloud.com/umBso6cx8zFNNU1R9>

### Part 3 – 5 questions –

Where did each person go?

Listen and write a letter in each box. There is one example.



Richard

E



Lucy



Jane



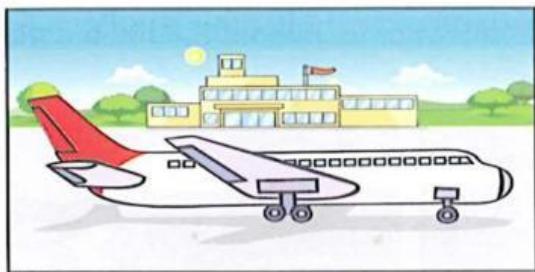
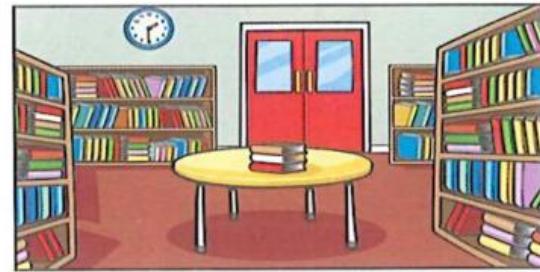
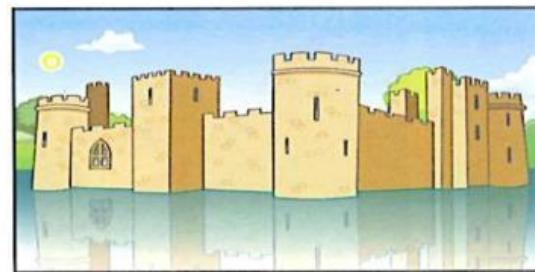
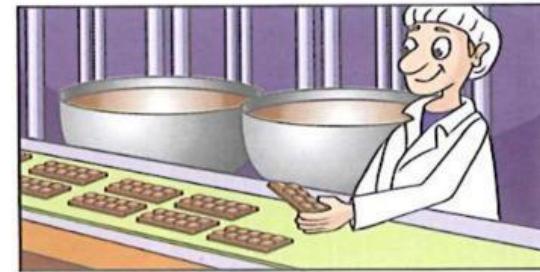
Oliver



Jim



Helen

**A****B****C****D****E****F****G****H**